

Bản án số: 01/2018/DS-ST

Ngày 03-01-2018.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà H Luyên Niê

2. Bà Bùi Thị Lài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2017/TLST-DS ngày 24/10/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12/2017/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T và chị Trương Thị T.

Trú tại: Thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Văn Q-có mặt.

Trú tại: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Đắk Nông

Bị đơn: Ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị C-đều có mặt.

Trú tại: Thôn Đ2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H-vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đ3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vũ Văn T, chị Trương Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Văn Q trình bày:

Do có quan hệ họ hàng nên anh Vũ Văn T và chị Trương Thị T có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Văn Q vay số tiền 290.000.000 đồng vào ngày 26/01/2017. Khi vay hai bên có lập giấy tờ và thỏa thuận đến hạn ngày 20/02/2017 thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng. Quá trình vay ông Q, bà C chưa trả cho anh T, chị T bất kỳ khoản tiền nào dù đã đòi nhiều lần. Nay anh T, chị T yêu cầu Tòa án buộc chị C và anh Q phải trả cho anh T, chị T số tiền 290.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị C trình bày: Ông Q, bà C thừa nhận có nợ anh T, chị T như anh T, chị T đã trình bày, tuy nhiên số tiền này không phải vào đầu năm 2017 ông bà vay của anh T, chị T mà xuất phát từ số tiền 150.000.000đ ông bà vay vào khoảng năm 2015 và lãi suất do hai bên xác nhận nợ vào đầu năm 2017, vì chỗ người nhà nên các bên chỉ nói miệng và lập giấy biên nhận nợ chứ không có giấy tờ liên quan đến việc chuyển xác nhận nợ, ông bà không có chứng cứ gì để chứng minh cho phần trình bày của mình. Quá trình vay số tiền 150.000.000đ hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, ông bà đã trả được cho anh T, chị T số tiền 14.000.000đ tiền lãi suất trước khi xác nhận nợ. Đến ngày 20/02/2017 ông bà tiếp tục trả cho anh T, chị T số tiền 50.000.000đ. Ông Q, bà C không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng sự việc trên có bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của chị T biết. Vì điều kiện khó khăn nên ông Q, bà C đồng ý trả 240.000.000đ cho anh T, chị T và xin được trả thành 03 đợt. Đợt 01 trả 100.000.000đ vào 15/12/2017; Đợt 02 trả 70.000.000đ vào 15/12/2018; Đợt 03 trả 70.000.000đ vào ngày 20/02/2019.

Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H không biết việc giữa anh T, chị T và ông Q, bà C có vay mượn của nhau, bà cũng không chứng kiến việc bà C trả bất kỳ khoản tiền nào cho anh T, chị T như bà C trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Songtham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, các đương sự từ

khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng Điều 463; 466; 468 BLDS, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền gốc 290.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 giấy biên nhận ngày 17/08/2015 (bản gốc); 01 giấy biên nhận ngày 26/01/2017 do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Văn Q cung cấp. Ông Q, bà C đều thừa nhận giữa các bên có lập giấy biên nhận trên và chữ ký trong giấy biên nhận trên là chữ ký của ông bà, do các đương sự đã thống nhất nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng các bên chưa thống nhất được. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng ông Q, bà C có trả 50.000.000 đồng nhưng đó là trả cho khoản nợ vay ngày 17/08/2015. Ông Q, bà C cho rằng đã trả hết số tiền vay ngày 17/08/2015 cho anh T, chị T nên anh T, chị T mới cho ông bà vay số tiền 150.000.000 đồng, ông bà khi trả tiền thì không hủy giấy nợ hay lập giấy trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Vũ Văn T và chị Trương Thị T khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị C trả số tiền đã vay là 290.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật, do đó tranh chấp này được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị C có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn Đ 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét giấy biên nhận nợ ngày 26/01/2017 có chữ ký của bị đơn ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị C và ông Q, bà C thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó việc ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị C nợ anh T, chị T số tiền 290.000.000 đồng là có thật. Ông Q, bà C cho rằng nguồn gốc số tiền trên xuất phát từ việc ông bà vay anh T, chị T số tiền 150.000.000 đồng từ năm 2015, đến đầu năm 2017 hai bên xác nhận nợ thành 290.000.000đ, quá trình vay hai bên thỏa thuận lãi

suất là 2% và ông bà đã trả cho ông Q, bà C số tiền lãi là 14.000.000 đồng và gốc là 50.000.000đ, ông Q và bà C trình bày có bà Nguyễn Thị H biết sự việc trên nhưng khi Tòa án lấy lời khai bà H khai không biết gì liên quan đến việc vay mượn của hai bên đồng thời anh T, chị T cũng phản đối phần trình bày của ông bà là không có căn cứ. *Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Theo đó, ông Q và bà C không đồng ý với nguyên đơn nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình nên không có cơ sở để HĐXX chấp nhận. HĐXX xét thấy việc vay tài sản giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc nào, đáp ứng đủ điều kiện được quy định tại Điều 463 BLDS nên HĐXX công nhận hợp đồng vay tài sản giữa anh Vũ Văn T, chị Trương Thị T và ông Phạm Văn Q, bà Nguyễn Thị C là hợp pháp.

[2.2] Xét quan điểm của ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị C cho rằng đã trả cho anh Vũ Văn T, chị Trương Thị T số tiền 50.000.000đ đối với khoản tiền nợ theo giấy biên nhận ngày 26/01/2017 vào ngày 20/02/2017 và giữa hai bên không lập giấy tờ gì. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh T, chị T và người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị T thừa nhận ông Q, bà C có trả số tiền 50.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền 50.000.000đ này là trả cho khoản nợ vay ngày 17/08/2015. Đồng thời phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 01 giấy biên nhận ngày 17/8/2017 có chữ ký của người vay là ông Q và bà C. Phía bị đơn ông Q, bà C thừa nhận giấy biên nhận nợ ngày 17/8/2015 do bên nguyên đơn cung cấp, tuy nhiên ông bà cho rằng đã trả khoản nợ này sau đó bên nguyên đơn mới cho vay số tiền 150.000.000 đồng (sau này xác nhận nợ vào ngày 26/01/2017 thành 290.000.000đ), khi trả thì hai bên không lập giấy tờ gì và ông bà cũng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Theo khoản 2 Điều 91 BLTTDS thì ông Q, bà C phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình. Do ông Q, bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận quan điểm của ông Q, bà C.

[2.3] Từ những nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy yêu cầu của anh Vũ Văn T và chị Trương Thị T yêu cầu ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị C trả số tiền 290.000.000đ là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu của anh Vũ Văn T và chị Trương Thị T yêu cầu ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị C trả số tiền lãi phát sinh theo quy định bao gồm lãi trong hạn, lãi suất quá hạn kể từ thời điểm vi phạm đối với số tiền 290.000.000đ, lãi chậm trả của lãi trên khoản nợ gốc là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

Lãi trong hạn các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng, phù hợp với khoản 1 Điều 468 BLDS nên HĐXX chấp nhận, theo đó, lãi suất trong hạn là: 290.000.000đ x 24 ngày 1,5%/tháng=3.480.000đ;

Lãi suất quá hạn: 290.000.000đ x2,25%/tháng x10 tháng 12 ngày = 65.511.000đ;

Lãi chậm trả của lãi trên khoản nợ gốc là: 3.480.000 x10%/năm x 10 tháng 12 ngày=300.000đ;

Tổng cộng ba khoản lãi là: 69.291.000đ (lãi suất tính đến ngày 03/1/2018).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của anh Vũ Văn T và chị Trương Thị T được chấp nhận nên ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn T và chị Trương Thị T.

Buộc ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị C phải trả cho anh Vũ Văn T và chị Trương Thị T số tiền 359.291.000 đồng (*Ba trăm năm mươi chín triệu hai trăm chín mươi một nghìn đồng*), trong đó bao gồm 290.000.000đ (*Hai trăm chín mươi triệu đồng*) tiền gốc; lãi trong hạn là 3.480.000đ (*Ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*); lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/01/2018) là 65.511.000đ (*Sáu mươi lăm triệu năm trăm mười một nghìn đồng*); lãi chậm trả của lãi trên nợ gốc là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Về án phí DSST: Buộc ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị C phải nộp 17.965.000 đồng (*Mười bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí DSST.

Hoàn trả cho anh Vũ Văn T và chị Trương Thị T số tiền 7.984.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 24/10/2017 theo biên lai số 0000454 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Nguyễn Thị Hải Âu**